

Sách Đa-ni-ên - Số tám mươi bốn

Khám phá bốn thế hệ của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê: Hành trình qua tính song song trong Kinh Thánh và sự thử nghiệm tiên tri

Jeff Pippenger

2024-02-17

Lẽ thật được xác lập bởi lời chứng của hai hay ba người, và việc áp dụng bốn điều gồm ghiếc trong Ê-xê-chi-ên đoạn tám như bốn thế hệ của Cơ Đốc Phục Lâm Lao-đi-xê có một số nhân chứng. Trong các bài viết trước đây, đã chỉ ra rằng bảy hội thánh trong Khải Huyền đoạn hai và ba không chỉ đại diện cho lịch sử của Y-sơ-ra-ên hiện đại từ thời các sứ đồ cho đến tận thế, mà bảy hội thánh ấy còn đại diện cho lịch sử của Y-sơ-ra-ên cổ đại từ thời Môi-se cho đến thời Đấng Christ.

Hội thánh Ê-phê-sô vừa tượng trưng cho Hội Thánh Cơ Đốc buổi ban đầu, vừa tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên xưa từ thời Môi-se cho đến thời kỳ Các Quan Xét. Hội thánh Si-miéc-nơ tượng trưng cho thời kỳ bắt bớ từ thời các môn đồ cho đến thời hoàng đế La Mã Constantine, và cũng cho thời kỳ Các Quan Xét, khi mỗi người đều làm điều mình cho là phải. Hội thánh Bết-gã-m tượng trưng cho thời kỳ thỏa hiệp từ thời Constantine đến chế độ giáo hoàng vào năm 538; đồng thời cũng tượng trưng cho thời kỳ khi dân Y-sơ-ra-ên xưa khước từ Đức Chúa Trời và chọn lấy một vị vua, và liên tục thỏa hiệp với các vương quốc ngoại giáo xung quanh. Hội thánh thứ tư là Thi-a-ti-ơ, được biểu trưng bởi Giê-sa-bên, là thời kỳ quyền lực giáo hoàng từ năm 538 đến 1798, và cũng là thời kỳ bảy mươi năm lưu đày của Y-sơ-ra-ên xưa tại Ba-by-lôn.

Bốn hội thánh ấy cũng đại diện cho bốn thế hệ của Phục Lâm, và làm chứng cho việc áp dụng bốn điều ghê tởm của Ê-xê-chi-ên cho bốn thế hệ. Cuộc phản loạn năm 1863 được thể hiện bởi thế hệ thứ nhất của Y-sơ-ra-ên xưa, như được minh họa qua cuộc phản loạn với bê vàng của A-rôn. Thế hệ thứ nhất bao gồm lời khuyên dành cho Hội thánh Ê-phê-sô, xác định rằng dân Đức Chúa Trời đã lia bỏ tình yêu ban đầu và cần phải ăn năn, trở lại với tình yêu ban đầu. Năm 1863, tình yêu ban đầu, được tượng trưng bởi những viên ngọc của William Miller (các lẽ thật nền tảng, đặc biệt là "bảy lần"), đã bị gạt sang một bên, và dân Đức Chúa Trời đã được khuyên bảo hãy trở lại.

Nhưng Ta trách người điều này: người đã bỏ tình yêu ban đầu. Vậy hãy nhớ lại người đã sa ngã từ đâu, hãy ăn năn và làm lại những việc làm ban đầu; bằng không, Ta sẽ mau đến với người và dòi chân đèn của người khỏi chỗ nó, nếu người không ăn năn. Khải Huyền 2:4, 5.

Những người Millerite đã đấu tranh với giới Tin Lành bội đạo, mà Giê-rê-mi gọi là "hội những kẻ nhạo báng", và kiên nhẫn chờ đợi Khải tượng đến, vì khi nó đến thì sẽ không nói dối. "Hội những kẻ nhạo báng" được đại diện bởi vị tiên tri già đã nói dối vị tiên tri từ Giu-đa, người đã quả trách sự thờ phượng giả mạo của Giê-rô-bô-am.

Ta biết các việc làm của người, công khó của người và sự nhẫn nại của người, và biết rằng người không thể chịu đựng những kẻ ác; người đã thử những kẻ tự xưng là sứ đồ mà không phải, và đã thấy họ là kẻ dối trá; người đã chịu đựng, đã nhẫn nại, và vì danh Ta mà đã lao nhọc, mà không nản lòng. Khải Huyền 2:2, 3.

Hội thánh thứ hai, tức Smyrna, tượng trưng cho thời kỳ bắt bớ trong Hội thánh Cơ Đốc buổi ban đầu, gồm những người tử đạo chân chính và cả một số người tự chuốc lấy sự bắt bớ vì những động cơ kém thánh khiết. Nó cũng tượng trưng cho thời kỳ Các Quan Xét, khi mỗi người trong Israel cố đại đều làm điều mình cho là đúng trong mắt mình. Thế hệ nổi loạn bắt đầu từ năm 1888 đã đánh dấu một thời kỳ bách hại chống lại Thần Khí của Lời Tiên Tri, các sứ giả được chọn cho thời điểm ấy, và Đức Thánh Linh. Nó mở ra một giai đoạn khi các bậc trưởng lão của Cơ Đốc Phục Lâm theo kiểu Laodicê chọn làm bất cứ điều gì họ cho là đúng trong mắt mình, điển hình là những người như Kellogg, Prescott và Daniells.

Trong thời ấy, số ít người trung tín phải bước vào một cuộc chiến thuộc linh sinh tử với một hạng người tự xưng là người Do Thái nhưng thực ra không phải. Mặc dù nắm giữ các vị trí lãnh đạo, họ lại thuộc về hội đường của Sa-tan, như Bà White đã làm chứng, bà chỉ ra rằng có những kẻ đang bị “các thiên sứ đã bị trục xuất khỏi thiên đàng” điều khiển. Họ tự nhận là khôn ngoan, nhưng lại đại dốt. Trong thời kỳ ấy, những người khôn ngoan không bị quở trách, mà được khích lệ hãy trung tín cho đến chết. Năm 1915, những lời cuối cùng Bà White nói là: “Ta biết Đấng ta đã tin”, vì bà đã trung tín cho đến chết.

Ta biết các việc làm của người, hoạn nạn và cảnh nghèo khó (nhưng người thật giàu); Ta cũng biết lời phi báng của những kẻ tự xưng là người Do Thái mà không phải, nhưng là hội đường của Sa-tan. Đừng sợ những điều người sắp chịu: kia, ma quỷ sẽ tống một vài người trong các người vào ngục để thử các người; và các người sẽ chịu hoạn nạn mười ngày. Hãy trung tín cho đến chết, rồi Ta sẽ ban cho người mả triệu thiên sự sống. Khải Huyền 2:9, 10.

Hội thánh Pergamos tượng trưng cho sự thỏa hiệp giữa lẽ thật và sai lầm, giữa ngoại giáo và Cơ Đốc giáo, vào thời hoàng đế Constantine, và cũng là sự thỏa hiệp của Israel cổ đại đã xảy ra trong thời kỳ các vua. Nó tượng trưng cho sự pha trộn giữa lẽ thật và sai lầm, mà rốt cuộc chỉ có thể sinh ra sai lầm. Điều này được thể hiện qua Hội nghị Kinh Thánh năm 1919, tại đó việc xuất bản cuốn sách "The Doctrine of Christ" đã được xúc tiến nhằm tạo ra một thông điệp Phục Lâm gần giống hơn với phúc âm giả dối của phái Tin Lành bội đạo. Chính trong thế hệ thứ ba của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm mà những sự thỏa hiệp lớn đối với lẽ thật đã xảy ra.

Chính trong thế hệ đó, bắt đầu từ năm 1919, mà Giáo hội khởi sự sự nhượng bộ dẫn đến việc hình thành Sở tay Giáo hội. Chính trong thế hệ đó, bắt đầu từ năm 1919, mà Giáo hội khởi sự sự nhượng bộ đòi hỏi phải có kiểm định trong cả các trường thuộc lĩnh vực sức khỏe và tôn giáo. Chính trong thế hệ đó mà bước chuyển sang các bản Kinh Thánh hiện đại dựa trên Công giáo đã được khởi xướng. Chính trong bối cảnh lịch sử ấy mà giới lãnh đạo tỏ ra sẵn sàng thiết lập quan hệ với các chế độ công khai chống Kitô giáo.

Thông lệ ấy, vốn đã manh nha trong thời Nội chiến Hoa Kỳ, khi ban lãnh đạo Laodixê thiết lập một mối quan hệ pháp lý với chính phủ Hoa Kỳ nhằm có kết cục thuận lợi hơn cho các thanh niên trong Hội thánh sẽ bị gọi nhập ngũ vào cuộc chiến đẫm máu nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, đã được lặp lại vào lúc khởi đầu Thế chiến thứ nhất, khi Chủ tịch Tổng Hội, A. G. Daniells, làm việc với chính phủ Đức, bày tỏ sự chấp thuận để Đức gọi nhập ngũ và buộc các thanh niên phục vụ trong quân đội, cầm vũ khí và không giữ ngày Sa-bát. Hành động đó của Daniells đã dẫn đến một sự chia rẽ,

tạo ra các nhánh rẽ khác nhau của phong trào Cải cách Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy vẫn tồn tại cho đến ngày nay.

Sự thỏa hiệp đó tiếp tục với Đức Quốc xã dưới thời Hitler, rồi với các quốc gia hợp thành Liên bang Xô viết, và đến nay vẫn được duy trì trong các chế độ như Trung Quốc. Sự thỏa hiệp của thế hệ thứ ba trong mỗi liên hệ với nghệ thuật trị quốc đã được điển hình bởi sự thỏa hiệp của các vua Israel thời cổ và của Constantine, như được tượng trưng trong Hội thánh Pergamos. Giai đoạn đó cũng biểu thị sự thỏa hiệp trong nghệ thuật điều hành giáo hội với phúc âm giả về hòa bình và an toàn, được thể hiện qua tác phẩm "The Doctrine of Christ" của Prescott.

Ta biết các việc làm của người và nơi người ở, tức là nơi có ngai của Sa-tan; người vẫn giữ vững danh Ta và không chối bỏ đức tin của Ta, ngay trong những ngày An-ti-pa, chứng nhân trung tín của Ta, đã bị giết giữa các người, nơi Sa-tan cư ngụ. Nhưng Ta có đôi điều trách người, vì tại đó người có những kẻ theo giáo lý của Ba-la-am, kẻ đã dạy Ba-lác đặt có vấp phạm trước con cái Y-sơ-ra-ên, khiến họ ăn đồ cúng cho thần tượng và phạm tà dâm. Khải Huyền 2:13, 14.

Sự tà dâm chỉ ra việc làm của Đại Hội Đồng trong việc liên kết với các quốc gia như Đức Quốc xã và Liên Xô dưới cái cờ duy trì những mối quan hệ làm việc cần thiết với các chính phủ tham nhũng, trong khi phớt lờ các tín hữu trung tín tại những quốc gia ấy, những người đã chịu bách hại bởi các chế độ khác nhau mà họ đã liên kết. Thức ăn dâng cho hình tượng tượng trưng cho phương pháp luận giả dối của Tin Lành bội đạo và Công giáo bội đạo, vốn khi đó đã được thiết lập vững chắc trong các đại học của Cơ Đốc Phục Lâm kiểu Laodicea, những đại học đã chấp nhận bị chi phối bởi các hướng dẫn của những phương pháp bội đạo, cả trong tôn giáo lẫn sức khỏe.

Chúa Giê-su đã minh họa sự kết thúc của thế hệ thứ ba cũng như Ngài đã làm với phần khởi đầu, vì Ngài đã đánh dấu sự xuất hiện của thế hệ thứ tư bằng việc xuất bản cuốn sách Questions on Doctrine vào năm 1957, cuốn sách đã hoàn toàn bác bỏ sự phân biệt căn bản về sự cứu rỗi giữa lẽ thật và những ý tưởng sai lạc của Tin Lành bội đạo và Công giáo. Dĩ nhiên cuốn sách có một số giáo lý sai lầm, nhưng về cốt lõi nó dạy rằng không thể sống đắc thắng trong Đấng Christ cho đến khi một người được biến đổi cách mâu nhiệm vào lúc Chúa tái lâm. Cuốn sách đánh dấu sự khởi đầu của thế hệ mà trong đó hai mươi lăm vị trưởng lão sẽ cúi lạy mặt trời. Các yếu tố chính trị và tôn giáo cần thiết để cho phép Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê chấp nhận sự thờ phượng ngày Chủ nhật khi đạo luật về ngày Chủ nhật sắp ban hành đã xuất hiện.

Sự góm ghiếc thứ tư trong sách Ê-xê-chi-ên xảy ra khi những người trung tín ít ỏi ở chương chín đang được đóng ấn trên trán, ngay trước khi các thiên sứ hủy diệt bắt đầu công việc của họ. Khải tượng bắt đầu ở câu một của chương tám, vào ngày mồng năm, tháng sáu, năm thứ sáu. Khải tượng bắt đầu vào ngày trước khi việc thi hành sự phán xét đối với những kẻ cúi mình thờ lạy mặt trời, là dấu của quyền bính giáo hoàng, và số của tên nó là "666."

Công việc đóng ấn cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người bắt đầu vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 với cuộc tấn công nhắm vào con thú từ đất do tai họa thứ ba của Hội giáo thực hiện. Cuộc tấn công ấy khiến các dân tộc nổi giận và đánh dấu sự đến của mưa cuối mùa. Nhưng mưa cuối mùa chỉ được nhận ra bởi những người được dẫn trở lại các nền tảng của Cơ Đốc Phục Lâm để thấy rằng ba

tai họa của Hội giáo là một lễ thật nền tảng. Vào thời điểm đó, những người được dẫn trở lại các nẻo xưa mà Giê-rê-mi gọi là “sự yên nghỉ” (tức là mưa cuối mùa), sẽ hoặc trở thành những người canh gác thổi kèn báo hiệu tai họa thứ ba, hoặc là những kẻ từ chối nghe theo tiếng kèn, và như vậy từ chối bước đi trong các nẻo xưa.

Rồi họ bị thử thách bởi tội lỗi của cuộc phản loạn của cha ông họ vào năm 1863. Ngay cùng lúc đó, một sứ điệp về sự công bình của Đấng Christ đã đến, tức là "sự xưng công chính bởi đức tin một cách chân thật". Đó là sứ điệp La-ô-đi-xê của Jones và Waggoner, và cũng là sứ điệp của Ê-xê-chi-ên gửi đến những xương khô chết, đến từ "bốn luồng gió", là biểu tượng của Hội giáo thuộc tai họa thứ ba (con "ngựa giận dữ" đang tìm cách bứt tung). Rồi số ít người trung tín ấy lại bị thử thách bởi tội lỗi của cuộc phản loạn của cha ông họ vào năm 1888, khi thiên sứ mạnh mẽ của Khải Huyền đoạn mười tám giáng xuống lúc các tòa nhà lớn ở Thành phố New York bị quật đổ, và Khải Huyền đoạn mười tám, câu một đến ba, đã được ứng nghiệm.

Sau đó, họ được thử thách qua việc nhận diện sứ điệp về mưa cuối mùa. Mưa cuối mùa có phải là một sự biểu lộ quyền năng của Đức Chúa Trời như trong các thời đại trước, hay những sự biểu lộ quyền năng của Đức Chúa Trời chỉ thuộc về quá khứ? Rồi số ít trung tín lại bị thử thách bởi cuộc phản loạn của cha ông họ vào năm 1919. Cách mà số ít trung tín vượt qua ba bài thử ấy sẽ quyết định liệu họ nhận được ấn của Đức Chúa Trời trên trán mình, hay thấy mình quỳ lạy mặt trời cùng với hai mươi lăm trưởng lão của Phục Lâm La-ô-đi-xê.

Mọi cuộc phản loạn của bốn thế hệ của chủ nghĩa Phục Lâm La-ô-đi-xê đều tìm thấy sự tương ứng vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Ngày đó, mà Ê-sai gọi là “ngày của gió đông,” đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ ấn chứng của một trăm bốn mươi bốn nghìn, và thời kỳ ấn chứng là một khoảng thời gian. Sự kết thúc của giai đoạn ấy đã được minh họa bằng phần khởi đầu, vì Chúa Giê-xu luôn minh họa sự kết thúc của một điều bằng phần khởi đầu của điều đó. Trong những bước chuyển cuối cùng của tiến trình ấn chứng, các thử thách đã được thể hiện ở phần khởi đầu của giai đoạn ấy lại một lần nữa được lặp lại.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, những thử thách mà những kẻ phản nghịch của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê đã không vượt qua—được biểu trưng bởi bốn sự góm ghiếc trong sách Ê-xê-chi-ên và bởi bốn hội thánh đầu tiên trong các chương 2 và 3 của sách Khải Huyền—đã đến, đánh dấu sự khởi đầu của một tiến trình thử luyện dẫn đến hoặc dấu của con thú, hoặc ấn của Đức Chúa Trời, cho những ai xưng mình là tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm ngày thứ Bảy.

Giới lãnh đạo của Cơ Đốc Phục Lâm La-ô-đi-xê đã bị trói buộc bởi những sợi dây dối trá của chính họ, và đối với họ, gần như không thể “nhận ra” một sự lặp lại của sự bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời như được thể hiện qua các phong trào cải chánh trước đó, kể cả phong trào cải cách đã khai sinh Cơ Đốc Phục Lâm. Các bậc tiền bối đã làm vung vãi và che lấp những giáo lý được tượng trưng bởi những viên ngọc của Miller bằng những đồng tiền và châu báu giả mạo. Chiếc hộp của bản Kinh Thánh King James đã bị xếp vào thời kỳ ngôn ngữ cổ xưa và bị thay thế bằng các bản Kinh Thánh ngôn ngữ hiện đại, được diễn đạt bằng thuật ngữ của con người tội ác.

Nếu có bất kỳ người thời xưa nào chịu cân nhắc khả năng rằng sứ điệp mưa muộn không phải là sứ điệp bình an và an ninh, thì họ gần như không thể nhận ra rằng những sự bày tỏ quyền năng của

Đức Chúa Trời trong các lịch sử thánh trước kia chính là điều nhận diện một cách cụ thể sự ấn chứng của một trăm bốn mươi bốn ngàn. Điều còn khó hơn để họ nhận ra là những lịch sử thánh trực tiếp nhất xác định sự ấn chứng của một trăm bốn mươi bốn ngàn lại chính là những lịch sử thánh ứng nghiệm Ma-la-chi chương ba, vì Ma-la-chi chương ba khẳng định rằng luôn luôn có một sứ giả dọn đường cho sự đến đột ngột của Sứ Giả của Giao Ước. Vị sứ giả ấy được tiêu biểu bởi tiên tri Ê-li, người đã mạnh dạn tuyên bố rằng sẽ không có mưa trong thời của ông, trừ khi mưa đến qua chức vụ của ông.

Bảy mươi trưởng lão của Ê-xê-chi-ên sẽ thấy thật nực cười khi chấp nhận rằng lời xưng nhận rằng họ là đền thờ của Chúa là vô căn cứ, và thực ra lại là lời xưng của một dân đang bị bỏ qua, cũng như vườn nho đã được trao cho những người sinh trái xứng đáng với vườn nho. Sứ điệp về con Khôn thay thứ ba, sứ giả dọn đường, bài ca về vườn nho, tất cả đều làm chứng chống lại những truyền thống và tập tục mà họ đã đặt lòng tin cậy, và trở thành một chứng ngại gần như không thể vượt qua để nhận ra mưa cuối mùa.

Sự kết thúc của việc đóng ấn một trăm bốn mươi bốn nghìn cho thấy những thử thách như nhau đối với những người đã tuyên bố “nhận biết” vai trò của Hồi giáo trong khốn nạn thứ ba. Sự “gia tăng hiểu biết” đã khởi phát phong trào của những người theo Miller bắt đầu vào lúc kết thúc “bảy thì” năm 1798. Sự “gia tăng hiểu biết” đã khởi phát phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn bắt đầu vào lúc kết thúc một “bảy thì” mang tính biểu tượng (một trăm hai mươi sáu năm) vào năm 1989. Trong suốt một trăm hai mươi sáu năm bội đạo ngày càng gia tăng đó, Cơ Đốc Phục Lâm trong tình trạng La-ô-đi-xê đã đạt đến thể hệ thứ tư và cuối cùng của mình.

Chính ở đời thứ ba và thứ tư mà một quốc gia hay một dân tộc làm đầy chén thời kỳ thử thách của mình, và thời điểm ấy nay đã đến. “Sự gia tăng tri thức” trong sách Đa-ni-ên, được sông Hiddekel biểu trưng, cũng chính là tri thức được gia tăng khi Khải Huyền của Chúa Giê-su Christ được mở ấn ngay trước khi thời kỳ thử thách khép lại.

Chúng ta sẽ bàn đến ba chương cuối của sách Đa-ni-ên trong bài viết tiếp theo.

Những ngày có sự bối rối và rối loạn lớn đang nhanh chóng đến gần. Sa-tan, khoác áo thiên sứ, sẽ lừa dối, nếu có thể, cả những người được chọn. Sẽ có nhiều thân và nhiều chúa. Mọi luồng giáo lý sẽ thổi. Những kẻ đã dành sự tôn sùng tối thượng cho 'khoa học giả danh' sẽ không phải là những người lãnh đạo khi ấy. Những ai cậy vào trí tuệ, thiên tài hay tài năng sẽ không đứng ở đầu hàng ngũ khi ấy. Họ đã không bước kịp với ánh sáng. Những người đã tỏ ra bất trung sẽ không được giao phó bầy chiên khi ấy. Trong công việc hệ trọng sau cùng, chỉ có ít bậc vĩ nhân sẽ tham gia. Họ tự mãn, tự lập tách khỏi Đức Chúa Trời, và Ngài không thể dùng họ. Chúa có những đầy tớ trung tín, là những người sẽ được bày ra trước mắt trong thời kỳ lay động và thử luyện. Có những người quý báu hiện còn ẩn kín, chưa hề quỳ gối trước Baal. Họ chưa có được ánh sáng đã chiếu rọi rõ tập trung trên anh em. Nhưng có thể, dưới vẻ ngoài thô ráp, không mấy lôi cuốn ấy, ánh sáng tinh khiết của một phẩm cách Cơ Đốc chân chính sẽ được bộc lộ. Ban ngày chúng ta ngược nhìn lên trời mà không thấy các vì sao. Chúng vẫn ở đó, cố định trên vòm trời, nhưng mắt không thể phân biệt chúng. Ban đêm chúng ta mới chiêm ngưỡng được vẻ sáng thật của chúng. Lời chúng, tập 5, trang 80, 81.